

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾT QUẢ THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ TIẾNG ANH

Trình độ tương đương A2 - Khóa thi: 13/9/2026

TT	Số BD	Thông tin sinh viên						Điểm			Điểm trung bình	Kết quả	Ghi chú
		MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Nói	Đọc / Viết	Nghe			
01	A2-01	25641029	Trương Hoàng	An	24/03/2002	Nam	TP.HCM	9.0	9.1	8.8	9.0	Đạt	
02	A2-02	25641176	Hoàng Quỳnh	Anh	10/08/2007	Nữ	TP.HCM	7.0	7.2	7.6	7.3	Đạt	
03	A2-03	23635084	Phạm Nguyễn Tú	Anh	12/10/2005	Nữ	Đắk Lắk	7.5	3.8	6.8	6.0	Đạt	
04	A2-114	23641083	Phan Nguyễn Ngọc	Ánh	12/11/2005	Nữ	Quảng Trị	6.5	5.1	7.2	6.3	Đạt	
05	A2-04	23631168	Ngô Ngọc	Bảo	01/02/2005	Nữ	TP.HCM	7.0	7.1	5.2	6.4	Đạt	
06	A2-05	25631142	Đỗ Thị Quyên	Bình	06/05/2007	Nữ	Đồng Tháp	6.5	7.3	5.6	6.5	Đạt	
07	A2-06	23681014	Trần Nguyễn Nhã	Ca	17/01/2005	Nữ	Đồng Tháp	7.0	8.0	6.8	7.3	Đạt	
08	A2-07	24600360	Nghiêm Thị Loan	Châu	27/08/2003	Nữ	Nghệ An	8.0	8.7	9.6	8.8	Đạt	
09	A2-08	25663006	Lư Mẫn	Chi	19/09/2006	Nữ	TP.HCM	6.0	7.2	6.4	6.5	Đạt	
10	A2-09	25641091	Nguyễn Huỳnh Anh	Đào	30/03/2007	Nữ	Khánh Hòa	7.0	7.9	8.0	7.6	Đạt	
11	A2-10	23641462	Lê Thị Hồng	Diệp	20/03/2005	Nữ	An Giang	7.0	7.1	6.0	6.7	Đạt	
12	A2-11	25641048	Keng Anh	Đức	29/07/2004	Nam	Tây Ninh	6.0	8.4	6.0	6.8	Đạt	
13	A2-12	24600196	Lâm Chí	Dũng	11/10/2005	Nam	An Giang	7.5	9.3	10	8.9	Đạt	
14	A2-13	23635104	Lư Thanh	Dương	16/01/2005	Nam	TP.HCM	6.0	8.0	8.0	7.3	Đạt	
15	A2-14	25614401	Đỗ Đình	Duy	04/09/2007	Nam	TP.HCM	7.5	7.5	9.6	8.2	Đạt	
16	A2-15	24631039	La Bích	Giang	15/02/1994	Nữ	An Giang	5.0	7.6	8.8	7.1	Đạt	
17	A2-16	24600006	Ông Vũ	Hải	28/08/2000	Nam	Lâm Đồng	---	---	---	---	---	Vắng
18	A2-17	25614224	Hoàng Thụy Bảo	Hân	15/10/2007	Nữ	TP.HCM	8.0	4.9	9.6	7.5	Đạt	
19	A2-18	22631494	Huỳnh Bảo	Hân	29/06/2004	Nữ	TP.HCM	6.0	7.7	7.6	7.1	Đạt	
20	A2-19	24631251	Nguyễn Ngọc	Hân	10/01/2006	Nữ	Khánh Hòa	7.0	8.4	7.6	7.7	Đạt	
21	A2-20	23631351	Trương Gia	Hân	13/09/2005	Nữ	TP.HCM	7.5	8.4	6.8	7.6	Đạt	
22	A2-121	22631232	Trần Thị Thúy	Hằng	06/02/2004	Nữ	TP. HCM	6.0	8.2	6.4	6.9	Đạt	



TT	Số BD	Thông tin sinh viên						Điểm			Điểm trung bình	Kết quả	Ghi chú
		MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Nói	Đọc / Viết	Nghe			
23	A2-21	23681053	Trần Nguyễn Ngọc	Hiền	01/01/2003	Nam	TP.HCM	8.0	5.2	8.4	7.2	Đạt	
24	A2-22	24600089	Nguyễn Hồ Hồng	Hoàn	26/08/2002	Nữ	Đồng Nai	---	---	---	---	---	Vắng
25	A2-23	24631054	Nguyễn Phương	Hoàng	20/10/1987	Nữ	Vĩnh Long	7.0	7.9	9.6	8.2	Đạt	
26	A2-118	24635012	Nguyễn Thị Bích	Hồng	10/04/2006	Nữ	Khánh Hòa	---	---	---	---	---	Vắng
27	A2-24	25614483	Lê Ngọc	Hương	31/08/2007	Nữ	Vĩnh Long	7.0	8.7	9.6	8.4	Đạt	
28	A2-25	24641127	Nguyễn Trần	Huy	20/09/2005	Nam	Tây Ninh	6.5	5.0	9.6	7.0	Đạt	
29	A2-26	25631046	Huỳnh Minh	Khánh	12/12/2007	Nam	TP.HCM	8.0	8.2	7.6	7.9	Đạt	
30	A2-27	25631047	Huỳnh Nhật	Khánh	12/12/2007	Nam	TP.HCM	7.5	7.1	6.4	7.0	Đạt	
31	A2-28	22631145	Nguyễn Đăng	Khoa	14/03/2003	Nam	TP.HCM	8.0	9.3	10	9.1	Đạt	
32	A2-29	25641139	Trần Đăng	Khoa	16/04/2007	Nam	TP.HCM	7.5	5.8	8.8	7.4	Đạt	
33	A2-30	23671011	Lý Anh	Kiệt	06/10/2005	Nam	Đồng Nai	8.0	8.5	9.6	8.7	Đạt	
34	A2-31	24641069	Hồ Thị Quang	Linh	12/06/2006	Nữ	Tây Ninh	7.0	9.0	8.4	8.1	Đạt	
35	A2-32	22631017	Chu Ngọc Mỹ	Linh	18/05/2003	Nữ	Đồng Nai	7.5	8.5	8.8	8.3	Đạt	
36	A2-33	24641368	Nguyễn Ngọc Thuý	Linh	11/02/2001	Nữ	TP.HCM	8.0	9.4	8.8	8.7	Đạt	
37	A2-34	24631345	Trịnh Gia	Linh	16/11/2006	Nữ	Đồng Nai	6.0	4.8	6.8	5.9	Đạt	
38	A2-120	21621179	Nguyễn Thị Phương	Loan	27/12/2002	Nữ	Đồng Nai	---	---	---	---	---	Vắng
39	A2-35	25614136	Trần Quang	Long	08/05/2005	Nam	Đồng Nai	7.0	6.5	7.2	6.9	Đạt	
40	A2-36	24600510	Cù Thị	Lý	30/08/2006	Nữ	Gia Lai	6.0	9.3	8.4	7.9	Đạt	
41	A2-37	24631337	Trần Thị Thanh	Mai	21/10/1997	Nữ	TP.HCM	6.0	8.5	9.2	7.9	Đạt	
42	A2-38	25611011	Lục Gia	Mẫn	24/04/2004	Nữ	An Giang	6.5	5.5	4.8	5.6	Đạt	
43	A2-117	22661010	Bùi Lê	Minh	19/01/2002	Nam	Đồng Tháp	6.5	4.1	4.4	5.0	Đạt	
44	A2-39	24631191	Huỳnh Thảo	My	29/03/2006	Nữ	Đồng Tháp	5.0	2.7	4.0	3.9	Không đạt	
45	A2-40	24641321	Thái Thị Tuyết	Nga	14/12/2006	Nữ	Đồng Tháp	4.5	5.5	4.0	4.7	Không đạt	
46	A2-41	24631143	Đỗ Đào Kim	Ngân	12/07/2003	Nữ	Quảng Ngãi	8.0	9.0	7.6	8.2	Đạt	
47	A2-42	24631002	Lê Trần Thiên	Ngân	05/12/2003	Nữ	TP.HCM	7.0	7.5	4.8	6.4	Đạt	
48	A2-43	24641022	Ngô Thị Kim	Ngân	21/12/2005	Nữ	Tây Ninh	5.0	4.9	5.2	5.0	Đạt	
49	A2-44	25611087	Nguyễn Thị Bảo	Ngân	10/08/2006	Nữ	Khánh Hòa	5.5	5.0	2.0	4.2	Không đạt	
50	A2-119	23671039	Nguyễn Hữu Tịnh	Nghi	26/10/2005	Nữ	Lâm Đồng	4.5	5.4	5.2	5.0	Đạt	
51	A2-45	25681032	Vương Tuấn	Nghĩa	26/08/1989	Nam	TP.HCM	---	---	---	---	---	Vắng
52	A2-46	24631217	Nguyễn Khánh	Ngọc	06/05/2005	Nữ	TP.HCM	6.0	2.6	2.8	3.8	Không đạt	

TT	Số BD	Thông tin sinh viên						Điểm			Điểm trung bình	Kết quả	Ghi chú
		MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Nói	Đọc / Viết	Nghe			
53	A2-47	24600244	Võ Thị Kim	Ngọc	22/05/2005	Nữ	Trà Vinh	9.0	8.9	8.4	8.8	Đạt	
54	A2-48	20641853	Nguyễn Thành	Nhân	26/05/2002	Nam	TP.HCM	---	---	---	---	---	Vắng
55	A2-49	22611105	Lê Hoàng	Nhật	07/07/2004	Nam	TP.HCM	---	---	---	---	---	Vắng
56	A2-50	24600048	Cao Bội	Nhi	14/05/2006	Nữ	TP.HCM	7.5	7.5	6.8	7.3	Đạt	
57	A2-51	23600102	Lê Thị Yến	Nhi	21/10/2005	Nữ	Lâm Đồng	7.0	6.8	4.4	6.1	Đạt	
58	A2-52	23635108	Huỳnh Thị Ngọc	Như	05/09/2026	Nữ	Đồng Tháp	9.0	6.2	8.0	7.7	Đạt	
59	A2-53	25631075	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	10/11/2006	Nữ	Tây Ninh	7.0	8.5	6.8	7.4	Đạt	
60	A2-54	23682080	Nguyễn Thị Nguyệt	Nhung	11/03/2003	Nữ	Đồng Tháp	---	---	---	---	---	Vắng
61	A2-55	24612022	Nguyễn Thị Bé	Nữ	06/05/2005	Nữ	TP.HCM	6.0	8.9	10	8.3	Đạt	
62	A2-56	24635203	Lê Gia	Phú	21/12/2006	Nam	Khánh Hòa	10.0	8.8	9.2	9.3	Đạt	
63	A2-57	23651016	Lê Võ Triều Nguyên	Quân	22/11/2005	Nữ	Đồng Tháp	---	---	---	---	---	Vắng
64	A2-58	24600185	Võ Thị Minh	Quân	30/03/2006	Nữ	Tây Ninh	8.0	9.5	5.2	7.6	Đạt	
65	A2-59	23600292	Vũ Thiện	Quân	02/08/2005	Nam	TP.HCM	9.0	8.0	8.8	8.6	Đạt	
66	A2-60	24631343	Cao Thị Trung	Quyên	23/10/2002	Nữ	TP.HCM	8.0	7.0	5.6	6.9	Đạt	
67	A2-61	23631352	Cao Trần Mỹ	Quyên	12/01/2005	Nữ	TP.HCM	8.0	8.2	7.6	7.9	Đạt	
68	A2-62	23635183	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	31/01/2005	Nữ	TP.HCM	8.0	9.1	9.2	8.8	Đạt	
69	A2-63	24681047	Phạm Thị Như	Quỳnh	20/03/2006	Nữ	Ninh Bình	5.0	2.7	3.6	3.8	Không đạt	
70	A2-64	24682029	Tăng Minh	Sang	03/08/2006	Nam	TP.HCM	7.5	8.2	6.0	7.2	Đạt	
71	A2-65	20641941	Trần Hải Kim	Sơn	04/05/2001	Nam	TP.HCM	9.0	9.3	9.6	9.3	Đạt	
72	A2-66	24631334	Trần Ngọc	Sơn	28/06/2006	Nam	TP.HCM	---	---	---	---	---	Vắng
73	A2-67	23600278	Võ Hoàng	Sơn	12/05/2005	Nam	TP.HCM	5.5	6.3	3.2	5.0	Đạt	
74	A2-68	24661016	Lê Ngọc	Tài	03/08/2006	Nam	Khánh Hòa	9.0	7.6	5.6	7.4	Đạt	
75	A2-69	24641250	Ngô Thị Mỹ	Tâm	19/12/2006	Nữ	Đồng Tháp	7.0	8.8	9.2	8.3	Đạt	
76	A2-70	24661093	Nguyễn Ngọc	Tân	14/04/2006	Nam	TP.HCM	---	---	---	---	---	Vắng
77	A2-71	24600250	Hồ Thị Hồng	Thắm	01/01/2006	Nữ	Lâm Đồng	5.5	5.7	4.8	5.3	Đạt	
78	A2-72	24635182	Ngô Ngọc	Thắm	27/02/2006	Nữ	Tây Ninh	9.5	9.3	6.4	8.4	Đạt	
79	A2-115	20661004	Nguyễn Văn	Thắng	27/01/1997	Nam	Đắk Lắk	6.5	7.8	5.6	6.6	Đạt	
80	A2-73	25631001	Đoàn Trần Thái	Thanh	20/03/1998	Nữ	TP.HCM	9.0	9.4	8.0	8.8	Đạt	
81	A2-74	24611121	Huỳnh Hồ Kim	Thanh	17/11/2006	Nữ	TP.HCM	7.5	6.5	6.0	6.7	Đạt	
82	A2-75	21635016	Dương Hoàng Anh	Thư	03/11/2003	Nữ	TP.HCM	6.5	4.5	5.6	5.5	Đạt	

TT	Số BD	Thông tin sinh viên						Điểm			Điểm trung bình	Kết quả	Ghi chú	
		MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Nói	Đọc / Viết	Nghe				
83	A2-76	24600509	Lê	Trần Minh	Thư	23/02/2006	Nữ	Long An	6.0	6.6	8.4	7.0	Đạt	
84	A2-77	23631034	Ngô	Ngọc Anh	Thư	09/08/2002	Nữ	TP.HCM	9.0	8.0	7.2	8.1	Đạt	
85	A2-78	25611104	Trần	Nguyên Thiên	Thư	19/04/2007	Nữ	TP.HCM	9.0	7.7	7.2	8.0	Đạt	
86	A2-79	24631193	Danh	Thị Anh	Thư	30/03/2006	Nữ	Bình Thuận	6.5	7.2	7.2	7.0	Đạt	
87	A2-80	23651026	Phan	Hoài	Thương	24/11/2005	Nữ	Gia Lai	7.0	8.8	8.4	8.1	Đạt	
88	A2-81	25614443	Võ	Nguyễn Hoài	Thương	10/10/2007	Nữ	TP.HCM	7.0	9.4	10	8.8	Đạt	
89	A2-82	24611075	Lê	Thị Thanh	Thúy	07/10/2006	Nữ	Khánh Hòa	6.5	9.4	8.4	8.1	Đạt	
90	A2-83	24631335	Lý	Phạm Ngọc	Thúy	13/07/2006	Nữ	TP.HCM	6.0	7.8	6.0	6.6	Đạt	
91	A2-84	24600146	Nguyễn	Ngọc Cẩm	Tiên	15/04/2006	Nữ	Vĩnh Long	6.0	9.4	10	8.5	Đạt	
92	A2-85	24600563	Nguyễn	Thị Hồng	Tiên	20/08/2005	Nữ	Đà Nẵng	7.0	8.0	7.6	7.5	Đạt	
93	A2-86	24600145	Dương	Hùng Phước	Tiến	24/06/2003	Nam	TP.HCM	9.5	8.8	9.6	9.3	Đạt	
94	A2-87	23600290	Thái	Trung	Tín	24/12/2005	Nam	Vĩnh Long	7.0	9.1	10	8.7	Đạt	
95	A2-88	25614472	Võ	Bùi Hoàng	Tính	21/06/2007	Nam	TP.HCM	6.0	9.3	9.6	8.3	Đạt	
96	A2-89	24682031	Nguyễn	Thái	Toàn	07/04/2006	Nam	TP.HCM	8.0	9.9	9.6	9.2	Đạt	
97	A2-90	23612011	Nguyễn	Thị Kim	Toàn	27/09/2004	Nữ	Đồng Tháp	6.5	7.0	8.0	7.2	Đạt	
98	A2-91	25663013	Dương	Xuân	Trâm	03/12/2006	Nữ	TP.HCM	5.5	5.6	7.2	6.1	Đạt	
99	A2-113	21641060	Huỳnh	Thị	Trâm	25/04/2003	Nữ	TP.HCM	6.0	2.6	2.8	3.8	Không đạt	
100	A2-92	24600142	Nguyễn	Hoàng Mai	Trâm	21/09/2005	Nữ	TP.HCM	6.5	8.8	5.6	7.0	Đạt	
101	A2-93	25614407	Nguyễn	Bảo	Trân	25/01/2007	Nữ	Cần Thơ	7.5	8.0	5.2	6.9	Đạt	
102	A2-116	24611077	Nguyễn	Ngọc Hà	Trân	23/02/2006	Nữ	Tiền Giang	6.5	7.4	8.8	7.6	Đạt	
103	A2-94	24600162	Phạm	Nhật Bảo	Trân	16/08/2003	Nữ	An Giang	8.5	8.3	0.0	5.6	Không đạt	
104	A2-95	25614466	Nguyễn	Thị Thiên	Trang	11/01/2007	Nữ	Đồng Nai	7.5	9.4	8.8	8.6	Đạt	
105	A2-96	23611084	Võ	Thị Thuý	Trang	17/07/2005	Nữ	TP.HCM	7.0	8.2	6.0	7.1	Đạt	
106	A2-97	24631052	Đinh	Nguyễn Phương	Trúc	12/02/2006	Nữ	TP.HCM	9.5	7.3	6.8	7.9	Đạt	
107	A2-98	24641117	Nguyễn	Thanh	Trùng	18/05/2006	Nam	TP.HCM	6.5	6.2	6.8	6.5	Đạt	
108	A2-99	25651014	Trần	Hoàng	Tú	27/04/2006	Nam	Tiền Giang	6.0	4.7	7.2	6.0	Đạt	
109	A2-122	23600216	Trương	Thanh	Tú	07/01/2005	Nam	Đồng Tháp	5.5	3.7	3.2	4.1	Không đạt	
110	A2-100	25631244	Nguyễn	Đỗ Cẩm	Tú	23/02/2007	Nữ	Lâm Đồng	6.0	7.0	4.8	5.9	Đạt	
111	A2-101	24600549	Hà	Thị Thanh	Tuyền	19/02/2004	Nữ	Đồng Tháp	7.0	7.4	4.0	6.1	Đạt	
112	A2-102	23631142	Lê	Thanh	Tuyền	24/03/2005	Nữ	Tây Ninh	6.5	6.9	8.0	7.1	Đạt	

TT	Số BD	Thông tin sinh viên						Điểm			Điểm trung bình	Kết quả	Ghi chú
		MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Nói	Đọc / Viết	Nghe			
113	A2-103	23631070	Đặng Trần Thanh	Vân	22/04/2004	Nữ	TP.HCM	7.0	9.1	8.4	8.2	Đạt	
114	A2-104	24600355	Cao Xuân	Vũ	26/01/2006	Nam	Lâm Đồng	6.5	9.3	9.6	8.5	Đạt	
115	A2-105	23681015	Nguyễn Tuấn	Vũ	09/08/2004	Nam	TP.HCM	6.0	7.3	8.4	7.2	Đạt	
116	A2-106	24600440	Diệp Thuỵ Tường	Vy	02/07/2005	Nữ	TP.HCM	---	---	---	---	---	Vắng
117	A2-107	24631012	Trần Thanh	Vy	24/10/2006	Nữ	TP.HCM	6.5	7.6	8.8	7.6	Đạt	
118	A2-108	25631048	Nguyễn Trần Như	Ý	13/03/2007	Nữ	Đồng Tháp	8.0	5.3	3.2	5.5	Đạt	
119	A2-109	24600553	Lê Ngọc Minh	Yến	25/05/2006	Nữ	Vĩnh Long	6.0	7.9	7.6	7.2	Đạt	
120	A2-110	25631034	Lương Hoàng	Yến	27/10/2005	Nữ	TP.HCM	7.0	6.4	6.4	6.6	Đạt	
121	A2-111	25663010	Phan Hải	Yến	12/02/2007	Nữ	TP.HCM	6.0	7.5	8.4	7.3	Đạt	
122	A2-112	24631220	Võ Hà Hoàng	Yến	25/08/2006	Nữ	Tây Ninh	5.5	7.3	6.0	6.3	Đạt	

Thống kê	Số lượng
Đạt	102
Không đạt	08
Vắng	12

TP.Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 1 năm 2026

TM. HỘI ĐỒNG THI
CHỦ TỊCH



Trần Văn Tú



KẾT QUẢ THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ TIẾNG ANH

Trình độ tương đương B2 - Khóa thi: 13/9/2026

TT	Số BD	Thông tin sinh viên						Điểm			Điểm trung bình	Kết quả	Ghi chú
		MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Nói	Đọc / Viết	Nghe			
01	B2-01	23621125	Trần Hải	Đăng	18/07/2005	Nam	Cần Thơ	9.0	7.3	9.2	8.5	Đạt	
02	B2-02	24621015	Bế Thái	Dương	12/12/2005	Nam	Lâm Đồng	7.0	4.1	8.4	6.5	Đạt	
03	B2-03	25621073	Bùi Lâm Ngọc	Hân	20/12/2007	Nữ	TP.HCM	8.0	5.3	7.6	7.0	Đạt	
04	B2-04	25621150	Lê Yến	Linh	02/12/2007	Nữ	Vĩnh Long	7.0	4.7	9.2	7.0	Đạt	
05	B2-07	21621179	Nguyễn Thị Phương	Loan	27/12/2002	Nữ	Đồng Nai	9.5	9.0	8.0	8.8	Đạt	
06	B2-05	23621089	Hoàng Thị	Ny	03/10/2004	Nữ	Hà Tĩnh	8.0	9.8	10	9.3	Đạt	
07	B2-06	23621079	Lê Ngọc	Trúc	13/05/2003	Nữ	TP.HCM	9.0	7.0	9.6	8.5	Đạt	

Thống kê	Số lượng
Đạt	07
Không đạt	0
Vắng	0

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 9 năm 2026

TM. HỘI ĐỒNG THI
CHỦ TỊCH



Trần Văn Tú